

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA KẾ TOÁN



TIỂU LUẬN

HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đề tài: Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

Giảng viên hướng dẫn : **Vũ Đức Năng**
Sinh viên/Nhóm thực hiện: **Đặng Thanh Tâm/Nhóm Số 03**
Lớp : **KT 17 - 01**

Hà Nội, năm 2024

NHÓM SINH VIÊN THỰC HIỆN

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	Nhiệm vụ	% đóng góp vào bài
1.	1774030151	Đặng Thanh Tâm	KT 17-01	Tiểu kết chương 1, 2, 3 Mục 1.2, 2.1.3, 2.2, 2.3 và 2.4	93%
2.	1774030002	Khúc Mỹ An	KT 17-01	Mục 1.2, 2.1.2 và 2.2	83%
3.	1774030141	Trần Yến Nhi	KT 17-01	Mục 2.1.1 và 2.3	82%
4.	1774030050	Phạm Thị Hảo	KT 17-01	Phần mở đầu Mục 1.1	83%
5.	1774030036	Chu Hương Giang	KT 17-01	Mục 1.3 Chương 3 Phần kết luận	85%

NHẬN XÉT

(Của giảng viên hướng dẫn)

.....

.....

.....

.....

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	Điểm	
				Điểm số	Điểm chữ
1.	1774030151	Đặng Thanh Tâm	KT 17-01		
2.	1774030002	Khúc Mỹ An	KT 17-01		
3.	1774030141	Trần Yến Nhi	KT 17-01		
4.	1774030050	Phạm Thị Hảo	KT 17-01		
5.	1774030036	Chu Hương Giang	KT 17-01		

Ngày ... tháng ... năm 20...

CÁN BỘ CHẤM THI 1

(Ký ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2

(Ký ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

I. Mở đầu	1
1. Lý do tiến hành nghiên cứu.....	1
2. Mục tiêu và mục đích nghiên cứu.....	1
3. Nhiệm vụ nghiên cứu	1
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
5. Phương pháp nghiên cứu.....	2
6. Kết cấu nghiên cứu.....	2
II. Nội dung	3
Chương 1. Cơ sở lý luận về ý định khởi nghiệp của sinh viên.....	3
1.1. Lý luận chung về ý định khởi nghiệp của sinh viên.....	3
1.1.1. Khởi nghiệp	3
1.1.2. Ý định khởi nghiệp.....	3
1.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên	4
1.2.1. Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Định, Lê Thị Mai Hương, Cao Thị Sen về các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Nam Cần Thơ.....	4
1.2.2. Nghiên cứu của tác giả Võ Văn Hiền, Lê Hoàng Vân Trang về các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Tiền Giang	4

1.2.3. Nghiên cứu của tác giả Lê Thị Trang Đài, Nguyễn Thị Phương Anh về các nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thuộc khối ngành kinh tế và kỹ thuật tại Trường Đại học Lạc Hồng	5
1.3. Mô hình và bảng hỏi nghiên cứu	5
1.3.1. Mô hình nghiên cứu.....	5
1.3.2. Bảng hỏi nghiên cứu.....	6
2.1. Giới thiệu chung về khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam	11
2.1.1. Khái quát chung về nhà trường và khối ngành kinh tế	11
2.1.2. Giới thiệu về sinh viên khối ngành kinh tế	12
2.1.3. Giới thiệu về cỡ mẫu khảo sát	13
2.2. Thực trạng ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam	15
2.3. Thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam	16
2.3.1. Nhân tố ảnh hưởng số 1: Thái độ đối với hành vi	16
2.3.2. Nhân tố ảnh hưởng số 2: Quy chuẩn chủ quan.....	17
2.3.3. Nhân tố ảnh hưởng số 3: Giáo dục khởi nghiệp	18
2.3.4. Nhân tố ảnh hưởng số 4: Kinh nghiệm	19
2.3.5. Nhân tố ảnh hưởng số 5: Đặc điểm tính cách.....	20
2.3.6. Nhân tố ảnh hưởng số 6: Nguồn vốn	21
2.4. Mức độ và chiều hướng tác động của các nhân tố đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam.....	22

2.4.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha	22
2.4.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA	24
Chương 3. Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam.....	31
3.1. Giải pháp về thái độ đối với hành vi.....	31
3.2. Giải pháp về quy chuẩn chủ quan.....	32
3.3. Giải pháp về giáo dục khởi nghiệp	32
3.4. Giải pháp về kinh nghiệm.....	32
3.5. Giải pháp về đặc điểm tính cách.....	33
3.6. Giải pháp về nguồn vốn	33

III. Kết luận..... 34

TÀI LIỆU THAM KHẢO

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Bảng thống kê mẫu khảo sát.....	13
Bảng 2. Bảng thống kê mô tả nhân tố ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, trường Đại học Đại Nam	15
Bảng 3. Bảng thống kê mô tả nhân tố thái độ đối với hành vi của sinh viên khối ngành kinh tế, trường Đại học Đại Nam	16
Bảng 4. Bảng thống kê mô tả nhân tố quy chuẩn chủ quan của sinh viên khối ngành kinh tế, trường Đại học Đại Nam	17
Bảng 5. Bảng thống kê mô tả nhân tố giáo dục khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, trường Đại học Đại Nam	18
Bảng 6. Bảng thống kê mô tả nhân tố kinh nghiệm của sinh viên khối ngành kinh tế, trường Đại học Đại Nam	19
Bảng 7. Bảng thống kê mô tả nhân tố đặc điểm tính cách của sinh viên khối ngành kinh tế, trường Đại học Đại Nam	20
Bảng 8. Bảng thống kê mô tả nhân tố nguồn vốn của sinh viên khối ngành kinh tế, trường Đại học Đại Nam	21
Bảng 9. Bảng Item-Total Statistics	22
Bảng 10. Bảng KMO và Kiểm định Bartlett (Lần 1).....	24
Bảng 11. Bảng tổng phương sai trích (Lần 1).....	24
Bảng 12. Bảng ma trận xoay (Lần 1)	26
Bảng 13. Bảng KMO và Kiểm định Bartlett (Lần 2).....	28
Bảng 14. Bảng tổng phương sai trích (Lần 2).....	28
Bảng 15. Bảng ma trận xoay (Lần 2)	29

I. Mở đầu

1. Lý do tiến hành nghiên cứu

Hiện nay khởi nghiệp đang là vấn đề rất quan trọng được xã hội chú ý. Rất nhiều ý tưởng của sinh viên được đưa ra và trong số nhiều ý tưởng đã thành công. Tuy nhiên ở một số trường đại học, sinh viên vẫn chưa có động lực để khởi nghiệp kinh doanh. Sinh viên Đại học Đại Nam là những bạn sinh viên giàu nhiệt huyết, năng động và sáng tạo. Dù vậy nhưng vẫn có những bạn chưa tìm được cảm hứng, tinh thần khởi nghiệp. Đã có những nghiên cứu trước đó về ý định khởi nghiệp của sinh viên như nghiên cứu của tác giả Võ Văn Hiền và Lê Hoàng Vân Trang (2020) về ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Tiền Giang. Hoặc nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Văn Định, Lê Thị Mai Hương và Cao Thị Sen (2021) về ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Nam Cần Thơ. Các nghiên cứu này đều là những nghiên cứu có ý nghĩa to lớn nhưng hiện nay vẫn chưa có một nghiên cứu nào cụ thể về ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Đại Nam. Dựa trên điều đó, nhóm tôi quyết định lựa chọn đề tài “Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, trường Đại học Đại Nam” là đề tài nghiên cứu của mình.

2. Mục tiêu và mục đích nghiên cứu

Mục tiêu của bài nghiên cứu là làm rõ những nhân tố tác động, ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, trường Đại học Đại Nam. Từ đó đưa ra các giải pháp để giúp thúc đẩy động lực khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện bài nghiên cứu này, bước đầu tiên nhóm tôi cần phải tổng hợp và xây dựng cơ sở lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Trường đại học Đại Nam, bao gồm những yếu tố cá nhân, xã hội và yếu tố môi trường. Bước thứ hai, chúng tôi cần tìm hiểu, đọc và nghiên cứu các bài báo, các công trình nghiên cứu khoa học trước đó về những nhân tố ảnh

hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên. Dựa vào đó, chúng tôi bắt đầu xây dựng mô hình nghiên cứu và bảng hỏi để đi khảo sát, thu thập dữ liệu từ các sinh viên khối ngành kinh tế Trường đại học Đại Nam về ý định khởi nghiệp và các yếu tố liên quan thông qua việc khảo sát trực tuyến. Sau đó, tiến hành phân tích dữ liệu đã thu thập được, xem xét các mối liên quan tới các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của việc sinh viên khối ngành kinh tế Trường đại học Đại Nam. Cuối cùng, dựa trên kết quả phân tích, nhóm sẽ rút ra những kết luận về các yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Trường đại học Đại Nam, từ đây đề xuất ra các chính sách thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng của bài nghiên cứu là các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, trường Đại học Đại Nam. Nhóm đã tiến hành khảo sát 75 người trên địa bàn trường Đại học Đại Nam vào thời gian là 2 tuần từ 21/6/2024 đến 5/7/2024 và các phiếu này đều hợp lệ.

5. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm đã tiến hành khảo sát 75 đối tượng dựa vào Google Form để thu thập dữ liệu. Nhóm đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả, kiểm định Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA để phân tích dữ liệu và đưa ra kết quả cuối cùng.

6. Kết cấu nghiên cứu

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, mục lục..., bài nghiên cứu gồm 3 chương như sau:

Chương 1. Cơ sở lý luận về ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, trường Đại học Đại Nam

Chương 2. Phân tích thực trạng về ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, trường Đại học Đại Nam

Chương 3. Giải pháp nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, trường Đại học Đại Nam

II. Nội dung

Chương 1. Cơ sở lý luận về ý định khởi nghiệp của sinh viên

1.1. Lý luận chung về ý định khởi nghiệp của sinh viên

1.1.1. Khởi nghiệp

Khởi nghiệp là tạo ra các kết hợp mới (Schumpeter, 1934). Tác giả Kirzner (1973) thì quan niệm rằng khởi nghiệp là khả năng để phát hiện và khai thác các lợi thế từ sự khác biệt về giá giữa các thị trường. Nhưng với suy nghĩ của Nga và Shamuganathan (2010), khởi nghiệp lại là sự theo đuổi các cơ hội làm giàu về mặt kinh tế thông qua các sáng kiến hay các ý tưởng mới của cá nhân trong môi trường hoạt động không chắc chắn với các nguồn lực hữu hình giới hạn. Còn theo tác giả Hisrich và Drovensek viết năm 2002, khởi nghiệp là quá trình tạo ra một cái gì đó mới mẻ, có giá trị bằng cách dành thời gian và nỗ lực cần thiết để đạt được sự độc lập về tiền tệ, trong đó có những rủi ro về tài chính, tâm linh và xã hội kèm theo. Các khái niệm trên đều làm rõ về việc khởi nghiệp, chúng tôi cũng đồng quan điểm trong bài nghiên cứu này. Nhóm tôi sẽ sử dụng khái niệm khởi nghiệp của tác giả Hisrich và Drovensek (2002).

1.1.2. Ý định khởi nghiệp

Theo nhóm tác giả Souitaris, Zerbinati và Al-Laham viết vào năm 2007, ý định khởi nghiệp là sự liên quan ý định của một cá nhân để bắt đầu một doanh nghiệp. Hay với quan niệm của tác giả Bird (1988) thì ý định khởi nghiệp của một cá nhân là trạng thái tâm trí, trong đó hướng đến việc hình thành một hoạt động kinh doanh mới hay tạo lập một doanh nghiệp mới. Gupta và Bhawe (2007) lại cho rằng ý định khởi nghiệp là một quá trình định hướng việc lập kế hoạch và triển khai thực hiện một kế hoạch tạo lập doanh nghiệp. Ý định khởi nghiệp còn là cam kết khởi sự bằng việc lập

doanh nghiệp mới (Krueger, 1993). Theo Schwarz, Wdowiak, Almer-Jarz, và Breitenacker (2009), ý định khởi nghiệp của sinh viên xuất phát từ các ý tưởng của sinh viên và được định hướng đúng đắn từ chương trình giáo dục và những người đào tạo. Dựa vào những khái niệm trên, chúng tôi quyết định lựa chọn lý thuyết về ý định khởi nghiệp của tác giả Schwarz & cộng sự (2009) để sử dụng trong bài nghiên cứu.

1.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên

1.2.1. Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Định, Lê Thị Mai Hương, Cao Thị Sen về các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Nam Cần Thơ

Nghiên cứu phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Nam Cần Thơ. Bài nghiên cứu sử dụng cả phương pháp nghiên cứu định tính lẫn định lượng. Về nghiên cứu định tính, nhóm tác giả đã thảo luận nhóm và lấy ý kiến của chuyên gia. Về nghiên cứu định lượng, nhóm tác giả đã sử dụng thang đo Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá - EFA, phân tích nhân tố khẳng định - CFA và phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính - SEM. Kết quả nghiên cứu cho thấy 5 yếu tố là đặc điểm tính cách, thái độ đối với hành vi khởi nghiệp, môi trường giáo dục, nhận thức kiểm soát hành vi và nguồn vốn có tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Nam Cần Thơ.

1.2.2. Nghiên cứu của tác giả Võ Văn Hiền, Lê Hoàng Vân Trang về các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Tiền Giang

Nghiên cứu phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Tiền Giang. Giống như bài nghiên cứu trên, bài nghiên cứu này cũng dùng cả hai phương pháp nghiên cứu là nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định tính được thể hiện qua việc thảo luận nhóm và thảo luận tay đôi. Còn nghiên cứu định lượng được thể hiện qua thống kê mô tả, thang đo Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích hồi quy tuyến tính

đa biến. Nghiên cứu ra kết quả có 5 nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Tiền Giang. Đó là đặc điểm tính cách, giáo dục khởi nghiệp, kinh nghiệm, nhận thức kiểm soát hành vi và quy chuẩn chủ quan.

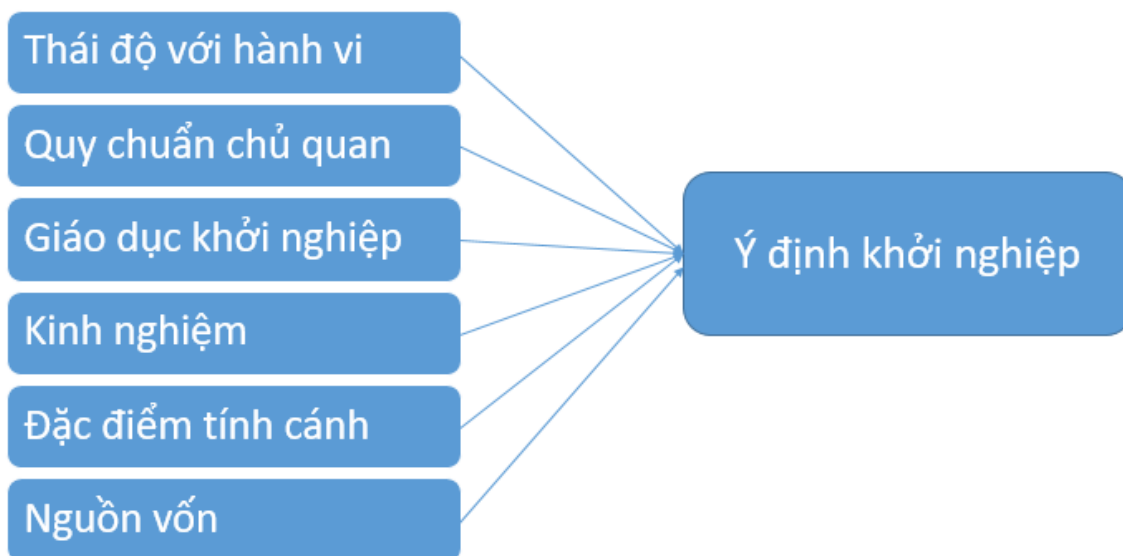
1.2.3. Nghiên cứu của tác giả Lê Thị Trang Đài, Nguyễn Thị Phương Anh về các nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thuộc khối ngành kinh tế và kỹ thuật tại Trường Đại học Lạc Hồng

Nghiên cứu phân tích các nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thuộc khối ngành kinh tế và kỹ thuật tại Trường Đại học Lạc Hồng. Công trình nghiên cứu được sử dụng phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy và kiểm định T-test để phân tích định lượng. Từ nghiên cứu, kết quả cho thấy 5 nhân tố có sự tác động đến ý định khởi nghiệp thuộc khối ngành kinh tế và kỹ thuật tại Trường Đại học Lạc Hồng là thái độ cá nhân, nhận thức của xã hội, nhận thức kiểm soát hành vi, cảm nhận cản trở tài chính và giáo dục.

1.3. Mô hình và bảng hỏi nghiên cứu

1.3.1. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên những khái niệm, mô hình nghiên cứu trước đó, nhóm tác giả xin đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:



1.3.2. Bảng hỏi nghiên cứu

1	2	3	4	5		
Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý		
THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI HÀNH VI		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
TD1	Việc trở thành chủ doanh nghiệp đối với anh/chị có lợi hơn bất lợi	1	2	3	4	5
TD2	Chủ doanh nghiệp là một nghề rất hấp dẫn đối với anh/chị	1	2	3	4	5
TD3	Anh/chị sẽ rất hài lòng khi làm chủ doanh nghiệp	1	2	3	4	5
TD4	Trong số các lựa chọn công việc khác nhau, anh/chị thích kinh doanh	1	2	3	4	5

QUY CHUẨN CHỦ QUAN		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
QC1	Gia đình luôn ủng hộ công việc của anh/chị	1	2	3	4	5
QC2	Bạn bè luôn ủng hộ công việc của anh/chị	1	2	3	4	5
QC3	Những người quan trọng khác đối với anh/chị luôn ủng hộ công việc của anh/chị	1	2	3	4	5
QC4	Anh/chị biết nhiều doanh nhân thành công	1	2	3	4	5
QC5	Anh/chị rất ngưỡng mộ những doanh nhân thành công	1	2	3	4	5
GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
GD1	Tại trường đại học, anh/chị được cung cấp những kiến thức cần thiết về kinh doanh	1	2	3	4	5
GD2	Tại trường đại học, anh/chị được cung cấp những kỹ năng cần thiết về kinh doanh	1	2	3	4	5
GD3	Tại trường đại học, anh/chị được khuyến khích tham gia cuộc thi “Sinh viên khởi	1	2	3	4	5

	ngiệp”					
GD4	Anh/chị thường tự học để có kiến thức kinh doanh	1	2	3	4	5
KINH NGHIỆM		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
KN1	Anh/chị đã từng làm công việc liên quan đến kinh doanh	1	2	3	4	5
KN2	Anh/chị đã từng tham gia công tác quản lý (cán bộ lớp, cán bộ Đoàn,...)	1	2	3	4	5
KN3	Anh/chị đã từng là thành viên của câu lạc bộ kinh doanh trong hoặc ngoài nhà trường	1	2	3	4	5
KN4	Anh/chị đã từng tham gia các buổi hội thảo về kinh doanh	1	2	3	4	5
ĐẶC ĐIỂM TÍNH CÁCH		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
TC1	Anh/chị là người dám đối mặt với trở ngại	1	2	3	4	5
TC2	Anh/chị là người rất giỏi trong việc xác định các cơ hội	1	2	3	4	5

TC3	Anh/chị là người thích tự lập	1	2	3	4	5
NGUỒN VỐN		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
NV1	Anh/chị có thể vay, mượn tiền từ gia đình và bạn bè	1	2	3	4	5
NV 2	Anh/chị có thể vay tiền từ các tổ chức tài chính (như ngân hàng, quỹ tín dụng)	1	2	3	4	5
NV 3	Anh/chị có thể tích lũy vốn từ việc làm thêm hoặc tiết kiệm	1	2	3	4	5
NV 4	Địa phương anh/chị có các chính sách hỗ trợ vốn cho thanh niên	1	2	3	4	5
Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
YD1	Mục tiêu nghề nghiệp của anh/chị là khởi sự kinh doanh	1	2	3	4	5
YD2	Anh/chị có mong muốn mạnh mẽ để khởi sự kinh doanh trong tương lai	1	2	3	4	5
YD3	Nếu có cơ hội, anh/chị sẽ khởi sự kinh doanh	1	2	3	4	5

Câu hỏi thông tin cá nhân:

Câu 1: Giới tính của bạn là

1. Nam
2. Nữ

Câu 2: Bạn đang là sinh viên năm thứ mấy:

1. Năm nhất
2. Năm hai
3. Năm ba
4. Năm tư
5. Trên năm thứ 4

Câu 3: Bạn đang học ngành:

1. Thương mại điện tử và kinh tế số
2. Quản trị kinh doanh – marketing
3. Logistics
4. Kế toán
5. Tài chính ngân hàng

Tiểu kết chương 1

Ở chương 1, nhóm tôi đã đưa ra một số lý thuyết, khái niệm về khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp để người đọc có thể hình dung đúng và hiểu hơn về những khái niệm ấy. Chúng tôi còn chỉ ra và tóm tắt một vài công trình nghiên cứu trước đó cùng đề tài các yếu tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên. Sau đó xây dựng mô hình nghiên cứu và bảng hỏi nghiên cứu. Bảng hỏi nghiên cứu có các câu hỏi

thông tin cá nhân và các câu hỏi khảo sát sử dụng thang đo Likert 5 điểm để làm rõ tất cả nhân tố. Tiếp nối chương 1, đối với chương 2, nhóm tôi sẽ giới thiệu khái quát tới người đọc về trường Đại học Đại Nam và khối ngành kinh tế của nhà trường. Đồng thời sử dụng bảng thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá EFA và phương pháp kiểm định độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha.

Chương 2: Phân tích thực trạng ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

2.1. Giới thiệu chung về khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

2.1.1. Khái quát chung về nhà trường và khối ngành kinh tế

Trường Đại học Đại Nam được thành lập tại Hà Nội và hoạt động theo Quy chế trường đại học tư thục theo Quyết định số 1535/QĐ-TTG ngày 14 tháng 11 năm 2007 của Thủ Tướng Chính Phủ. Ban đầu trường chỉ đào tạo 8 chuyên ngành theo hệ chính quy như: Tài chính ngân hàng, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Xây dựng, Tiếng Anh, Tiếng Trung, Quan hệ công chúng và truyền thông. Hiện tại, năm 2024-2025, tổng số chuyên ngành đào tạo hệ chính quy đã được tăng lên 35 chuyên ngành, chia thành 4 khối ngành khác nhau. Đó là khối ngành sức khỏe, khối ngành kỹ thuật - công nghệ, khối ngành kinh tế - kinh doanh, khối ngành khoa học xã hội và nhân văn.

Về lịch sử hình thành và phát triển, trường được thành lập với mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trường đã và đang phát triển mạnh mẽ với sự gia tăng về quy mô và chất lượng đào tạo.

Về cơ sở vật chất, trường đầu tư rất mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng với các khu giảng đường, phòng học, thư viện, nhà thể chất và phòng thí nghiệm hiện đại. Tất cả đều được nhà trường đảm bảo chất lượng tốt nhất để sinh viên học tập và thực nghiệm,

giúp sinh viên không chỉ nắm vững lý thuyết chuyên môn mà còn thuần thục các kỹ năng thực hành.

Về chương trình đào tạo, trường đào tạo đa dạng các ngành học ở các bậc đại học và sau đại học, bao gồm các lĩnh vực như Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Anh, Y dược, và nhiều ngành khác. Chương trình đào tạo của trường được thiết kế theo hướng ứng dụng, gắn liền với thực tiễn và nhu cầu của thị trường lao động.

Về đội ngũ giảng viên, Đại học Đại Nam sở hữu đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, nhiều người trong số đó là các giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia đầu ngành. Trường cũng hợp tác với nhiều chuyên gia, giảng viên đến từ các trường đại học và tổ chức quốc tế.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, trường khuyến khích và hỗ trợ sinh viên, giảng viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. Đại học Đại Nam còn có nhiều chương trình hợp tác quốc tế với các trường đại học, tổ chức giáo dục và doanh nghiệp trên thế giới, mở ra cơ hội trao đổi học tập và nghiên cứu cho sinh viên và giảng viên.

Về công tác sinh viên, trường luôn chú trọng đến các hoạt động ngoại khoá, văn hoá, thể thao để phát triển toàn diện cho sinh viên. Đồng thời, nhà trường có nhiều câu lạc bộ, đội nhóm sinh viên hoạt động sôi nổi, tạo môi trường học tập và sinh hoạt phong phú, đa dạng.

2.1.2. Giới thiệu về sinh viên khối ngành kinh tế

Khối ngành Kinh tế của trường Đại học Đại Nam bao gồm những chuyên ngành như Quản trị Kinh doanh, Marketing, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Thương mại điện tử, Kinh tế số và Kinh doanh quốc tế. Năm 2024, nhà trường mới mở thêm một số chuyên ngành khác cũng thuộc khối ngành

kinh tế. Các chuyên ngành mới là Quản trị nhân lực, Kinh tế, Phân tích dữ liệu kinh doanh và Công nghệ tài chính (Fintech).

Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng ứng dụng, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, giúp sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực tiễn. Các môn học trong chương trình bao gồm Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý kế toán, Quản trị nhân sự, Quản trị marketing, Phân tích tài chính, và nhiều môn học khác.

2.1.3. Giới thiệu về cỡ mẫu khảo sát

Nhóm đã khảo sát được 75 cỡ mẫu. Dựa vào kết quả phân tích thống kê mẫu khảo sát ta có:

Bảng 1. Bảng thống kê mẫu khảo sát

TT	Nội dung	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
1	Giới tính	Nam	29	38,7
		Nữ	46	61,3
		Tổng	75	100
2	Niên khoá	Năm nhất	30	40,0
		Năm hai	14	18,7
		Năm ba	6	8,0
		Năm tư	7	9,3
		Trên năm thứ 4	18	24,0
		Tổng	75	100

3	Ngành học	Thương mại điện tử và kinh tế số	2	2,7
		Quản trị kinh doanh - marketing	6	8,0
		Logistics	1	1,3
		Kế toán	41	54,7
		Tài chính ngân hàng	25	33,3
		Tổng	75	100

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Từ bảng số liệu cho thấy tỉ lệ người tham gia khảo sát là nữ giới nhiều hơn nam giới 22,6%. Cụ thể, nữ giới chiếm 61,3% (46 người), gần 1/3 số người tham gia khảo sát và nam giới chỉ chiếm 38,7% (29 người). Về niên khoá, lượng sinh viên năm nhất tham gia khảo sát là đông nhất với 30 người, tỉ lệ 40%. Sinh viên năm ba lại chiếm ít nhất với số lượng là 6 người, tỉ lệ chỉ 8% so với tổng phần trăm người tham gia khảo sát. Còn các sinh viên khác như sinh viên năm hai là 14 người (18,7%), sinh viên năm tư là 7 người (9,3%) và sinh viên trên năm thứ 4 là 18 người (24%). Ngành học thì bao gồm 5 ngành: Thương mại điện tử và kinh tế số, Quản trị kinh doanh - marketing, Logistics, Kế toán và Tài chính ngân hàng. Trong đó, ngành Logistics là ngành có số người tham gia khảo sát ít nhất, chỉ 1 người với tỉ lệ 1,3%. Còn ngành có số người tham gia khảo sát nhiều nhất chính là ngành Kế toán với 41 người trên tổng số 75 người, tỉ lệ lên đến 54,7%, hơn một nửa lượng sinh viên đã tham gia khảo sát. Bên cạnh đó, ngành Thương mại điện tử và kinh tế số có 2 người (chiếm 2,7%), ngành Quản trị kinh doanh - marketing có 6 người (chiếm 8%) và ngành Tài chính ngân hàng có 25 người (chiếm 33,3%). Kết quả cơ cấu mẫu khảo sát như trên là phù hợp với mục tiêu nghiên cứu, để đảm bảo các kết quả nghiên cứu là đáng tin cậy.

2.2. Thực trạng ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

Để đánh giá thực trạng ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam, chúng tôi sử dụng 03 biến quan sát. Kết quả khảo sát dữ liệu trên nhóm 75 sinh viên cho thấy sự quan tâm của sinh viên đến việc khởi nghiệp kinh doanh.

Bảng 2. Bảng thống kê mô tả nhân tố ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	YD1: Mục tiêu nghề nghiệp của anh/chị là khởi sự kinh doanh	75	3,68
2	YD2: Anh/chị có mong muốn mạnh mẽ để khởi sự kinh doanh trong tương lai	75	3,79
3	YD3: Nếu có cơ hội, anh/chị sẽ khởi sự kinh doanh	75	4,07
4	Trung bình	75	3,85

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Dựa vào thực tế trên, ta thấy giá trị trung bình của nhân tố ý định khởi nghiệp (YD) là 3,85, làm tròn lên mức 4, tương đương giá trị đồng ý. Điều này cho thấy các sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam hầu hết đều hứng thú và có ý định khởi nghiệp vào tương lai.

2.3. Thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

2.3.1. Nhân tố ảnh hưởng số 1: Thái độ đối với hành vi

Bảng 3. Bảng thống kê mô tả nhân tố thái độ đối với hành vi của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	TD1: Việc trở thành chủ doanh nghiệp đối với anh/chị có lợi hơn bất lợi	75	3,96
2	TD2: Chủ doanh nghiệp là một nghề rất hấp dẫn đối với anh/chị	75	3,99
3	TD3: Anh/chị sẽ rất hài lòng khi làm chủ doanh nghiệp	75	3,97
4	TD4: Trong số các lựa chọn công việc khác nhau, anh/chị thích kinh doanh	75	3,95
5	Trung bình	75	3,97

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Dựa vào thực trạng trên, ta thấy rằng giá trị trung bình của nhân tố thái độ đối với hành vi (TD) là 3,97, làm tròn lên ở mức 4 là đồng ý. Điều này cho thấy phần lớn sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam có suy nghĩ tích cực về việc khởi nghiệp và trở thành chủ doanh nghiệp, thấy cái nghề này rất hấp dẫn và sẽ sẵn lòng ưu tiên lựa chọn công việc kinh doanh so với các công việc khác.

2.3.2. Nhân tố ảnh hưởng số 2: Quy chuẩn chủ quan

Bảng 4. Bảng thống kê mô tả nhân tố quy chuẩn chủ quan của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	QC1: Gia đình luôn ủng hộ công việc của anh/chị	75	4,24
2	QC2: Bạn bè luôn ủng hộ công việc của anh/chị	75	4,15
3	QC3: Những người quan trọng khác đối với anh/chị luôn ủng hộ công việc của anh/chị	75	4,12
4	QC4: Anh/chị biết nhiều doanh nhân thành công	75	3,56
5	QC5: Anh/chị rất ngưỡng mộ những doanh nhân thành công	75	4,19
6	Trung bình	75	4,05

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Dựa vào thực trạng trên, ta thấy rằng giá trị trung bình của nhân tố quy chuẩn chủ quan (QC) là 4,05, làm tròn xuống ở mức 4 là đồng ý. Điều này cho thấy về mặt bằng chung thì sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam luôn được những người thân quen như gia đình, bạn bè ủng hộ trên con đường sự nghiệp. Đồng thời, ta thấy sinh viên biết khá khá về các doanh nhân thành công và rất ngưỡng mộ sự thành công của những doanh nhân ấy. Đó cũng là một trong những động lực khiến cho sinh

viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam mạnh dạn lên ý tưởng và bắt tay vào việc khởi nghiệp một dự án kinh doanh.

2.3.3. Nhân tố ảnh hưởng số 3: Giáo dục khởi nghiệp

Bảng 5. Bảng thống kê mô tả nhân tố giáo dục khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	GD1: Tại trường đại học, anh/chị được cung cấp những kiến thức cần thiết về kinh doanh	75	3,99
2	GD2: Tại trường đại học, anh/chị được cung cấp những kỹ năng cần thiết về kinh doanh	75	3,96
3	GD3: Tại trường đại học, anh/chị được khuyến khích tham gia cuộc thi “Sinh viên khởi nghiệp”	75	3,68
4	GD4: Anh/chị thường tự học để có kiến thức kinh doanh	75	3,79
5	Trung bình	75	3,85

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Dựa vào thực trạng trên, ta thấy rằng giá trị trung bình của nhân tố giáo dục khởi nghiệp (GD) là 3,85, làm tròn lên mức 4 là đồng ý. Điều này cho thấy hầu như sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam đều được học các kiến thức, kỹ năng cần thiết về kinh doanh ngay tại trường học và cũng được nhà trường lẫn thầy cô khuyến khích tham gia cuộc thi khởi nghiệp. Những thứ này chính là bước đệm, là gốc rễ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về kinh doanh, về quy trình thành lập và hoạt động doanh nghiệp và tích lũy thêm kinh nghiệm cho việc tạo dựng doanh nghiệp mai sau.

2.3.4. Nhân tố ảnh hưởng số 4: Kinh nghiệm

Bảng 6. Bảng thống kê mô tả nhân tố kinh nghiệm của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	KN1: Anh/chị đã từng làm công việc liên quan đến kinh doanh	75	3,80
2	KN2: Anh/chị đã từng tham gia công tác quản lý (cán bộ lớp, cán bộ Đoàn,...)	75	3,48
3	KN3: Anh/chị đã từng là thành viên của câu lạc bộ kinh doanh trong hoặc ngoài nhà trường	75	2,99
4	KN4: Anh/chị đã từng tham gia các buổi hội thảo về kinh doanh	75	3,36
5	Trung bình	75	3,41

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Dựa vào thực trạng trên, ta thấy rằng giá trị trung bình của nhân tố kinh nghiệp (KN) là 3,41, làm tròn xuống mức 3 là trung lập. Điều này cho thấy sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam nhìn chung là chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc kinh doanh và quản lý nhân sự cũng như quản lý tài chính.

2.3.5. Nhân tố ảnh hưởng số 5: Đặc điểm tính cách

Bảng 7. Bảng thống kê mô tả nhân tố đặc điểm tính cách của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	TC1: Anh/chị là người dám đối mặt với trở ngại	75	3,89
2	TC2: Anh/chị là người rất giỏi trong việc xác định các cơ hội	75	3,48
3	TC3: Anh/chị là người thích tự lập	75	4,13
4	Trung bình	75	3,83

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Dựa vào thực trạng trên, ta thấy rằng giá trị trung bình của nhân tố đặc điểm tính cách (TC) là 3,83, làm tròn lên mức 4 là đồng ý. Điều này cho thấy đa số sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam là những người có bản lĩnh, không ngại đối diện với khó khăn, thử thách và có khả năng tự lập, tự chủ trong cuộc sống. Đây cũng là một yếu tố quan trọng đối với một chủ doanh nghiệp trong việc thành lập và điều hành cả công ty.

2.3.6. Nhân tố ảnh hưởng số 6: Nguồn vốn

Bảng 8. Bảng thống kê mô tả nhân tố nguồn vốn của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	NV1: Anh/chị có thể vay, mượn tiền từ gia đình và bạn bè	75	3,73
2	NV2: Anh/chị có thể vay tiền từ các tổ chức tài chính (như ngân hàng, quỹ tín dụng)	75	3,56
3	NV3: Anh/chị có thể tích lũy vốn từ việc làm thêm hoặc tiết kiệm	75	4,03
4	NV4: Địa phương anh/chị có các chính sách hỗ trợ vốn cho thanh niên	75	3,17
5	Trung bình	75	3,62

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Dựa vào thực trạng trên, ta thấy rằng giá trị trung bình của nhân tố nguồn vốn (NV) là 3,62, làm tròn lên ở mức 4 là đồng ý. Điều này cho thấy sự năng động, khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm về mặt tài chính từ nhiều đầu vốn của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam. Đồng thời cũng cho thấy tính khả thi của dự án kinh doanh được tạo ra bởi sinh viên.

2.4. Mức độ và chiều hướng tác động của các nhân tố đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

2.4.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha

Trình bày kết quả kiểm định như sau:

Bảng 9. Bảng Item-Total Statistics

TT	Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan với biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
Yếu tố 1: Thái độ đối với hành vi ($\alpha = 0,870$)					
1	TD1	11,91	7,059	,732	,832
2	TD2	11,88	6,621	,846	,788
3	TD3	11,89	6,313	,801	,801
4	TD4	11,92	7,183	,549	,908
Yếu tố 2: Quy chuẩn chủ quan ($\alpha = 0,837$)					
1	QC1	16,01	9,635	,683	,793
2	QC2	16,11	9,259	,664	,797
3	QC3	16,13	9,117	,744	,774
4	QC4	16,69	10,297	,478	,850
5	QC5	16,07	10,036	,648	,803
Yếu tố 3: Giáo dục khởi nghiệp ($\alpha = 0,830$)					

1	GD1	11,43	6,302	,783	,729
2	GD2	11,45	6,440	,703	,764
3	GD3	11,73	6,225	,655	,789
4	GD4	11,63	7,643	,505	,847
Yếu tố 4: Kinh nghiệm ($\alpha = 0,779$)					
1	KN1	9,83	11,524	,493	,770
2	KN2	10,15	9,694	,599	,717
3	KN3	10,64	8,639	,616	,712
4	KN4	10,27	9,171	,646	,692
Yếu tố 5: Đặc điểm tính cách ($\alpha = 0,818$)					
1	TC1	7,61	3,051	,723	,694
2	TC2	8,03	3,243	,670	,751
3	TC3	7,37	3,588	,624	,796
Yếu tố 6: Nguồn vốn ($\alpha = 0,736$)					
1	NV1	10,76	7,374	,517	,683
2	NV2	10,93	5,928	,629	,613
3	NV3	10,47	7,928	,535	,682
4	NV4	11,32	6,977	,464	,718

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS)

Như vậy, sau khi phân tích dữ liệu trên SPSS, kết quả phân tích cho thấy tất cả các biến quan sát đều có sự đáng tin cậy. Vì các biến đo lường đều có hệ số tương

quan với biến tổng $\geq 0,3$ nên các biến đó đã đạt yêu cầu. Trong đó, mặc dù giá trị hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến của những biến TD4, QC4, GD4 lớn hơn so với hệ số Cronbach's Alpha của nhóm nhưng độ chênh lệch của nó lần lượt là 0,038; 0,013; 0,017. Sự chênh lệch giá trị đó nhỏ hơn 0,1 và hệ số tương quan biến tổng của những biến đó lớn hơn 0,3 nên ta xem xét giữ những biến đó lại.

2.4.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Bảng 10. Bảng KMO và Kiểm định Bartlett (Lần 1)

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		,792
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	1258,512
	df	276
	Sig.	,000

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát của nhóm tác giả)

Bảng 11. Bảng tổng phương sai trích (Lần 1)

Total Variance Explained									
Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	10,193	42,470	42,470	10,193	42,470	42,470	4,514	18,806	18,806
2	2,213	9,219	51,689	2,213	9,219	51,689	3,868	16,117	34,924
3	1,582	6,590	58,279	1,582	6,590	58,279	3,438	14,325	49,249
4	1,474	6,143	64,423	1,474	6,143	64,423	2,881	12,002	61,251

5	1,088	4,533	68,956	1,088	4,533	68,956	1,849	7,705	68,956
6	,917	3,820	72,776						
7	,880	3,668	76,445						
8	,718	2,990	79,435						
9	,635	2,648	82,082						
10	,547	2,281	84,363						
11	,533	2,222	86,585						
12	,516	2,149	88,734						
13	,458	1,909	90,643						
14	,399	1,662	92,304						
15	,331	1,379	93,683						
16	,300	1,251	94,934						
17	,278	1,159	96,093						
18	,255	1,062	97,156						
19	,199	,830	97,986						
20	,163	,680	98,666						
21	,116	,484	99,150						
22	,100	,418	99,567						
23	,058	,243	99,811						
24	,045	,189	100,000						

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát của nhóm tác giả)

Bảng 12. Bảng ma trận xoay (Lần 1)

Rotated Component Matrix ^a					
	Component				
	1	2	3	4	5
QC3	,844				
QC2	,740				
QC1	,708				
QC5	,684				
TC3	,626				
TC1	,547	,507			
NV3	,536				
TD3		,862			
TD2		,806			
TD1		,778			
TD4		,563			
TC2		,561			
KN4			,805		
KN3			,779		
KN2			,750		
KN1			,556		

QC4					
GD4					
GD2				,884	
GD1				,768	
GD3				,644	
NV4					
NV2					,751
NV1					,729

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát của nhóm tác giả)

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA cho giá trị $KMO = 0,792$, thỏa mãn điều kiện $0,5 < KMO < 1$. Phân tích nhân tố được chấp nhận với tập dữ liệu nghiên cứu. Giá trị $Sig. = 0,000$, thỏa mãn điều kiện $Sig. < 0,05$. Phân tích nhân tố là phù hợp. Từ bảng tổng phương sai trích, ta thấy có 5 nhân tố có hệ số tổng phương sai trích (Extraction Sums of Squared Loadings - Total) lớn hơn 1. Điều này thể hiện rằng trong 6 nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam đã được nhóm đề ra ở mô hình nghiên cứu thì chỉ có 5 nhân tố độc lập đủ điều kiện tác động lên nhân tố phụ thuộc. Dựa vào cột Extraction Sums of Squared Loadings - Cumulative %, mô hình giải thích được 68,956% của bộ dữ liệu. Kết quả của bảng ma trận xoay cho thấy ta cần loại bỏ những biến quan sát là QC4, GD4, NV4 và TC1. Vì những biến như QC4, GD4, NV4 có hệ số tải nhỏ hơn 0,5 và biến quan sát TC1 có hệ số tải lên ở hai nhân tố và chênh lệch hệ số tải nhỏ hơn 0,2.

Bảng 13. Bảng KMO và Kiểm định Bartlett (Lần 2)

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		,812
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	948,109
	df	190
	Sig.	,000

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát của nhóm tác giả)

Bảng 14. Bảng tổng phương sai trích (Lần 2)

Total Variance Explained									
Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	8,396	41,980	41,980	8,396	41,980	41,980	3,882	19,412	19,412
2	2,008	10,041	52,021	2,008	10,041	52,021	3,400	17,000	36,412
3	1,532	7,661	59,682	1,532	7,661	59,682	2,742	13,708	50,120
4	1,392	6,958	66,641	1,392	6,958	66,641	2,459	12,296	62,416
5	1,059	5,297	71,937	1,059	5,297	71,937	1,904	9,521	71,937
6	,811	4,053	75,990						
7	,670	3,348	79,337						
8	,615	3,077	82,415						
9	,569	2,843	85,258						
10	,472	2,360	87,618						

11	,451	2,253	89,871						
12	,373	1,865	91,736						
13	,336	1,681	93,416						
14	,314	1,569	94,986						
15	,265	1,325	96,310						
16	,240	1,200	97,511						
17	,198	,990	98,501						
18	,150	,748	99,249						
19	,077	,387	99,636						
20	,073	,364	100,000						

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát của nhóm tác giả)

Bảng 15. Bảng ma trận xoay (Lần 2)

Rotated Component Matrix ^a					
	Component				
	1	2	3	4	5
QC3	,846				
QC2	,760				
QC5	,701				
QC1	,697				
TC3	,634				
NV3	,502				
TD3		,869			

TD2		,820			
TD1		,787			
TD4		,573			
TC2		,546			
KN4			,816		
KN3			,805		
KN2			,738		
KN1			,539		
GD2				,907	
GD1				,778	
GD3				,633	
NV1					,790
NV2					,704

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát của nhóm tác giả)

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA cho giá trị $KMO = 0,812$, thỏa mãn điều kiện $0,5 < KMO < 1$. Giá trị $Sig. = 0,000$, thỏa mãn điều kiện $Sig. < 0,05$. Hai giá trị đó thỏa mãn thì sẽ đủ điều kiện chạy phân tích nhân tố khám phá EFA. Cũng như lần phân tích dữ liệu trước, qua bảng tổng phương sai trích, chỉ có 5 nhân tố là có hệ số tổng phương sai trích (Extraction Sums of Squared Loadings - Total) lớn hơn 1. Cột Extraction Sums of Squared Loadings - Cumulative % có giá trị là $71,937\% \geq 50\%$ (giá trị tối thiểu). Từ đó cho thấy 5 nhân tố được trích cô đọng được 71,937% và bị thất thoát 28,063% của các biến quan sát. Khác với lần 1, kết quả của bảng ma trận

xoay lần 2 cho thấy tất cả 20 biến quan sát đều chỉ tải lên ở 1 nhân tố và có hệ số tải lớn hơn 0,5. Đồng nghĩa với việc ta không cần loại bỏ thêm bất kì biến quan sát nào.

Tiểu kết chương 2

Ở chương 2, nhóm tôi đã giới thiệu khái quát tới người đọc về các đặc điểm của trường Đại học Đại Nam và khối ngành kinh tế cũng như sinh viên khối ngành kinh tế của trường. Chúng tôi còn thống kê mẫu khảo sát, thống kê mô tả yếu tố phụ thuộc là ý định khởi nghiệp và các yếu tố độc lập là thái độ đối với hành vi, quy chuẩn chủ quan, giáo dục khởi nghiệp, kinh nghiệm, đặc điểm tính cách và nguồn vốn. Sau đó, nhóm đi kiểm định độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA. Kết quả phân tích cho thấy phải loại đi biến NV4, QC4, GD4, TC1. Tiếp theo chương 2 là chương 3, nhóm nghiên cứu sẽ đưa ra một vài giải pháp về từng nhân tố tác động để thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam.

Chương 3. Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

3.1. Giải pháp về thái độ đối với hành vi

Thái độ với hành vi khởi nghiệp là nhân tố có mức độ tác động mạnh đối với ý định khởi nghiệp của sinh viên. Việc kết hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ tích cực là quan trọng để nâng cao khả năng thành công. Nhà trường có vai trò lớn trong việc phát triển thái độ này bằng cách thiết lập các nhóm và trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận ý tưởng và nhận hỗ trợ. Nhà trường cũng nên giới thiệu các tấm gương khởi nghiệp thành công, các mô hình tiêu biểu để khơi dậy hứng thú và thái độ tích cực của sinh viên. Đồng thời, tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tiễn kinh doanh và mở rộng mối quan hệ với những người có kinh nghiệm thực tế cũng giúp sinh viên tự tin hơn trong khởi nghiệp.

3.2. Giải pháp về quy chuẩn chủ quan

Với nhân tố này, sinh viên cần tự tin và khả năng kiểm soát suy nghĩ, hành vi để đưa ra quyết định dựa trên hiểu biết và kinh nghiệm. Kỷ luật cũng là một phần rất quan trọng giúp sinh viên tổ chức công việc hiệu quả, quyết tâm giúp vượt qua thử thách trong khởi nghiệp. Đồng thời, tư tưởng "Dám nghĩ, dám làm" sẽ giúp sinh viên thử nghiệm và đưa ra giải pháp kinh doanh mới mẻ, cạnh tranh. Sinh viên cần phải trang bị sự tự tin và kỹ năng thật tốt nhằm bắt đầu với vai trò chủ doanh nghiệp. Để sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp, nhà trường cần cung cấp kiến thức và cơ hội trải nghiệm thực tế qua các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp và thực tập.

3.3. Giải pháp về giáo dục khởi nghiệp

Giáo dục khởi nghiệp là nhân tố cũng có sức ảnh hưởng không kém cạnh gì hai nhân tố trên khi tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, phản ánh vai trò quan trọng của môi trường học tập. Để thúc đẩy ý định khởi nghiệp, nhà trường có thể cập nhật các học phần liên quan đến khởi nghiệp như quản lý doanh nghiệp, marketing, tài chính; tạo điều kiện cho giảng viên hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên phát triển ý tưởng kinh doanh; cung cấp không gian làm việc và các dịch vụ hỗ trợ như hướng dẫn, đào tạo, và mạng lưới kết nối. Hay chẳng hạn như việc xây dựng mối liên kết với cộng đồng doanh nhân để sinh viên học hỏi từ kinh nghiệm thực tế, tổ chức các hoạt động như hội thảo, cuộc thi ý tưởng kinh doanh để sinh viên áp dụng kiến thức vào thực tiễn và thành lập câu lạc bộ khởi nghiệp để sinh viên được chia sẻ, học hỏi và trao đổi kinh nghiệm. Bên cạnh đó, nhà trường cần cung cấp nguồn lực và môi trường thuận lợi để giúp sinh viên phát triển tư duy lập nghiệp và chuẩn bị cho hành trình khởi nghiệp chuyên nghiệp và thành công hơn.

3.4. Giải pháp về kinh nghiệm

Kinh nghiệm cũng là một nhân tố quan trọng có sự tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Nhóm đề xuất một số giải pháp giúp sinh viên có thêm kinh nghiệm cho việc thành lập và điều hành doanh nghiệp. Đó là sinh viên nên tham gia các câu lạc bộ khởi nghiệp để làm quen tiếp xúc với nó, đi làm thêm các công việc

liên quan đến khởi nghiệp. Hoặc sinh viên có thể đi thực tập các công ty startup và học hỏi kinh nghiệm từ những các doanh nhân hoặc doanh nghiệp đã thành công.

3.5. Giải pháp về đặc điểm tính cách

Đặc điểm tính cách đóng vai trò quan trọng trong ý định khởi nghiệp của sinh viên. Việc trang bị kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp, tăng cường tự học và hiểu biết về các mô hình kinh doanh thành công giúp sinh viên phát triển khả năng cảm nhận và ý định khởi nghiệp. Nhà trường nên tích cực xây dựng các hoạt động ngoại khóa về khởi nghiệp và kinh doanh trong chương trình đào tạo để sinh viên rèn luyện và phát triển kỹ năng cần thiết. Nhà trường cần tạo điều kiện cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và tích lũy kinh nghiệm kinh doanh từ thực tế, giúp họ áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực hành. Còn sinh viên muốn khởi nghiệp thì cần sự sáng tạo và nhạy bén để cải tiến sản phẩm, dịch vụ và chiến lược marketing, thu hút người tiêu dùng. Các hoạt động này cũng giúp sinh viên phát triển tố chất quản lý và năng lực lãnh đạo, thúc đẩy ý định khởi nghiệp. Để khởi nghiệp thành công, sinh viên cần nắm vững chuyên môn và nâng cao tinh thần tự học.

3.6. Giải pháp về nguồn vốn

Cùng với các yếu tố như thái độ, giáo dục, kinh nghiệm, tính cách thì nguồn vốn đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và phát triển doanh nghiệp của sinh viên. Vì vốn là thứ không thể thiếu khi muốn khởi nghiệp, đầu tư vào nghiên cứu, phát triển, tiếp thị, bán hàng, mua sắm thiết bị và nâng cấp cơ sở hạ tầng. Thiếu vốn có thể cản trở việc triển khai ý tưởng. Sinh viên có thể thu hút vốn từ nhà đầu tư, vay vốn từ ngân hàng, các tổ chức tài chính, gia đình và bạn bè. Đồng thời, cơ quan quản lý và nhà trường có thể hỗ trợ sinh viên tiếp cận vốn qua chính sách giảm lãi suất, phê duyệt dự án nhanh, vườn ươm doanh nghiệp và quỹ hỗ trợ khởi nghiệp. Đặc biệt, sinh viên có cơ hội tiếp cận vốn và phát triển doanh nghiệp khi tham gia các chương trình, cuộc thi, hội thảo và mô hình hỗ trợ khởi nghiệp.

Tiểu kết chương 3

Ở chương 3, nhóm tôi đã đề xuất một số giải pháp về từng yếu tố cho nhà trường và sinh viên. Điều này giúp nhà trường sẽ biết cách hỗ trợ, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên, còn sinh viên sẽ biết cách nâng cao kiến thức, kỹ năng hay tăng sự tự tin, năng động, mạnh dạn cho việc khởi nghiệp.

III. Kết luận

Với dữ liệu được phân tích của 75 phiếu khảo sát từ sinh viên, bài nghiên cứu đã xác định rằng có sáu nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam. Những nhân tố lần lượt là thái độ đối với hành vi, quy chuẩn chủ quan, giáo dục khởi nghiệp, kinh nghiệm, đặc điểm tính cách và nguồn vốn. Nghiên cứu còn đem đến các giải pháp để giúp thúc đẩy động lực khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] L. T. M. H. C. T. S. Nguyễn Văn Định, “Các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Nam Cần Thơ,” *HCMCOUJS-Kinh tế và Quản trị kinh doanh*, số 17(2), pp. 53-54, 2021.
- [2] C. Q. V. Ngô Thị Thanh Tiên, “Tổng quan lý thuyết về ý định khởi nghiệp của sinh viên,” *Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM*, số 11(3), p. 103, 2016.
- [3] L. H. V. T. Võ Văn Hiền, “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Tiền Giang,” *HCMCOUJS-Kinh tế và Quản trị kinh doanh*, số 16(2), p. 172, 2020.
- [4] N. T. P. A. Lê Thị Trang Đài, “Các nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thuộc khối ngành kinh tế và kỹ thuật tại Trường Đại học Lạc Hồng,” *Tạp chí khoa học Lạc Hồng*, số 5, 2016.
- [5] N. T. H. B. N. T. M. T. N. K. O. M. T. D. P. Huỳnh Nhật Nghĩa, “Ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Tài chính - Marketing,” *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing*, số 62, pp. 47-48, 2021.
- [6] T. T. H. H. K. T. Nguyễn Quang Thu, “Vai trò của yếu tố gắn kết trong mối quan hệ giữa ý định và hành vi khởi nghiệp của sinh viên,” *Tạp chí Phát triển Kinh tế*,

số 28(11), pp. 8-9, 2017.

- [7] N. T. M. Châu, “Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ngành Công nghệ thông tin tại thành phố Hồ Chí Minh,” Hồ Chí Minh, 2018.